TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **73** /2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/5/2023
V/v " Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh
Ông Nguyễn Văn Thư

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn D - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022 , về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng - Sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: Phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 1, nay là thôn Đại Phú, xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn - chị Lê Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn D, kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại UBND xã Đ, huyện H, vào ngày 21/3/2017. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không

hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị Lê Thị Ng xác định: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 15/10/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nh ở cùng chị Ng. Nay giải quyết ly hôn, nguyện vọng của chị Ng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị Ng xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn - anh Nguyễn Văn D:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập Nhều lần anh Nguyễn Văn D đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Lê Thị Ng nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do. Toà án đã về gia đình anh D tại thôn Đ, xã Đ, huyện H để xác minh và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân của anh D. Vì lý do anh D đang đi làm và không có mặt tại gia đình nên bà Thu (mẹ đẻ) đã nhận thay các văn bản trên và cam kết sẽ có trách Nhệm giao lại tận tay và đồng thời thông báo ngay cho anh D biết.

Theo Biên bản xác minh ngày 30/3/2023, bà Nguyễn Thị Th, (là mẹ đẻ của anh D) và cán bộ địa phương xã Đ cho biết: Anh D và chị Ng kết hôn vào năm 2017 và chung sống với nhau đến tháng 02 năm 2018 thì vợ chồng ly thân, từ đó vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cụ thể như thế nào thì phía gia đình và chính quyền địa phương cũng không nắm rõ.

Về con chung: Chị Ng và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh Nh, sinh năm 2018. Hiện nay cháu Nh đang ở cùng chị Ng. Theo như bà Thu trình bày thì sau khi gia đình nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án thì gia đình đã thông báo ngay cho anh D được biết việc chị Ng có đơn xin ly hôn, do điều kiện công việc bận, anh D không thể đến Tòa án để làm việc nên anh D có trao đổi với gia đình việc chị Ng làm đơn xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn và đồng ý giao cháu Nh cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn việc cấp dưỡng nuôi con chung thì anh sẽ nói chuyện và thỏa thuận với chị Ng.

Tại phiên tòa lần 2, anh D vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do bị đơn vắng mặt nhưng đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho người thân thích bị đơn nhận, công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và lý do xin vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa nêu tóm tắt vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng tiến hành thảo luận về vấn đề giải quyết xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Ng, xử chị Ng được ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 15/10/2018 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về mức cấp dưỡng: Buộc anh D phải thực hiện tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi,

- Về tài sản và công nợ: Chị Ng không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của BLTTDS , điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, anh D phải nộp 300.000đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H, có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ng và bị đơn anh Nguyễn Văn D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

[2]. Tại phiên tòa lần hai nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn D, kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh D và chị Ng được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng hai bên vẫn không có giải pháp hàn gắn, để vợ chồng quay về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, anh D biết thông tin chị Ng khởi kiện ly hôn nhưng cũng không có quan điểm, ý kiến trình bày. Như vậy chứng tỏ rằng anh D cũng không còn tình cảm với chị Ng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[5]. Xét nguyện vọng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 15/10/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nh ở cùng chị Ng. Thấy đề nghị của chị Ng là hoàn toàn phù hợp, vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Nh đang ở cùng chị Ng. Căn cứ vào Phiếu lương chị Ng cung cấp thể hiện chị Ng hiện nay đang có công việc ổn định tại Bệnh viện M – tỉnh Bình Dương với mức lương thực nhận là 5.509.933đ, ngoài ra chị Ng có khoản thu nhập thêm tại phòng khám Doctor Bự - Bình Dương trung bình từ 4.400.000đ đến 4.600.000đ/tháng. Với mức thu nhập như trên thì chị Ng có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nh. Vì vậy, để tránh sự thay đổi về môi trường sống của cháu Nh, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ng và giao cháu Nh cho chị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6].Xét yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn, thấy: Theo như người thân của anh D cho biết thì hiện nay anh D là lao động tự do, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng, vì là lao động tự do nên không có bảng lương để chứng minh thu nhập hàng tháng. Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh D đều vắng mặt nên không cơ sở để làm rõ mức thu nhập như người thân cung cấp. Tuy nhên nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhệm của người cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con và được phát sinh sau khi quan hệ hôn nhân được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Việc xác định nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng đối với anh D là có căn cứ chấp nhận, nhưng do anh là lao động tự do nên không có cơ sở chứng minh mức thu nhập hàng tháng, nếu áp dụng mức lương cơ sở vùng để làm cơ sở áp dụng thì không bảo đảm trong việc cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó cần buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với cháu Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 15/10/2018, mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[7]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Theo kết quả xác minh tại gia đình và địa

phương cho biết: Anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, nhưng anh D đang đi làm và vẫn thường xuyên gọi điện về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng và lập biên bản giao các văn bản tố tụng cho bà Th là mẹ đẻ nhận thay, bà Th cam kết sẽ giao lại và thông báo ngay cho anh D, để anh D biết và thực hiện quyền của mình. Việc tống đạt văn bản tố tụng phù hợp theo quy định tại các Điều 174, khoản 1 Điều 175 và khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị Ng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết nên miễn xét.

[9].Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh D phải nộp 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ng

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Công nhận **c**hị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 15/10/2018. Giao cháu Nguyễn Khánh Nh cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh D không tự nguyện thi hành án về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì chị Ng có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thi hành theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ng phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp theo biên lai thu

số: AA/2021/0009195, ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh D phải nộp 300,000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã Đ;*
- *TAND tỉnh.Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi